

Đảm bảo an ninh lương thực ở Việt Nam hiện nay

Phạm Văn Dũng*

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 2 tháng 10 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 10 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 11 năm 2017

Tóm tắt: Hiện nay, an ninh lương thực và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia cần được đặt trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập bởi bối cảnh mới có tác động đa chiều tới vấn đề này. Ở Việt Nam, sau hơn 30 năm đổi mới, Nhà nước đã giải quyết tương đối thành công vấn đề an ninh lương thực, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn và bất ổn. Trong bối cảnh mới, Việt Nam cần cân nhắc, điều chỉnh hoạt động sản xuất, xuất khẩu lương thực từ quy mô đến chất lượng; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ nông dân,... Nhà nước cần đảm bảo an ninh lương thực nhưng vẫn phải đáp ứng các yêu cầu của thị trường, thu nhập và đời sống của nông dân cũng như các doanh nghiệp kinh doanh lương thực.

Từ khóa: An ninh lương thực, kinh tế thị trường, hội nhập, Việt Nam.

1. An ninh lương thực trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập

Lương thực là hàng hóa đáp ứng nhu cầu thiết yếu quan trọng nhất của con người, do đó đảm bảo an ninh lương thực là yêu cầu cấp thiết đối với mọi quốc gia. Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO), an ninh lương thực là trạng thái mà tất cả mọi người, tại mọi thời điểm, đều có sự tiếp cận về mặt vật chất và kinh tế với nguồn lương thực đầy đủ, an toàn và đủ dinh dưỡng, đáp ứng chế độ ăn uống và thị hiếu lương thực của mình, đảm bảo một cuộc sống năng động và khỏe mạnh (WFS, 1996).

Hiện nay, an ninh lương thực quốc gia chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố, theo những chiều cạnh khác nhau. Do vậy, để đảm bảo an ninh lương thực, cần tính đến các đặc điểm của kinh tế thị trường và hội nhập trong giai đoạn hiện đại.

Thứ nhất, kinh tế thị trường và hội nhập là điều kiện quan trọng để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Trong cơ chế thị trường, mục tiêu của những người sản xuất và kinh doanh lương thực là lợi nhuận, và để đạt mục tiêu đó, họ phải quan tâm tới nhu cầu lương thực của người dân và tìm cách đáp ứng các nhu cầu đó một cách tốt nhất. Do tác động của cạnh tranh, những người sản xuất và kinh doanh lương thực phải không ngừng cải tiến kỹ thuật, hạ thấp chi phí, nâng cao chất lượng lương thực.

Đồng thời, trong nền kinh tế thị trường, lương thực được tự do trao đổi nên người dân có điều kiện tiếp cận với các loại lương thực phù hợp với nhu cầu của mình. Kinh tế thị trường còn làm cho năng suất, sản lượng lương thực tăng nhanh, thậm chí nhanh hơn cả tốc độ tăng trưởng dân số.

Thứ hai, kinh tế thị trường và hội nhập làm nảy sinh nhiều nguy cơ mất an ninh lương thực. Giá cả lương thực lên xuống không chỉ tùy thuộc năng suất, sản lượng lương thực, mà còn tùy thuộc vào chính sách của chính phủ, môi trường chính trị, các hoạt động đầu cơ... Sự lên

*ĐT.: 84-912464494.

Email: dungpv@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4109>

xuống của giá cả lại ảnh hưởng đến quy mô sản xuất lương thực, đến việc đáp ứng nhu cầu lương thực của người dân.

Do những người sản xuất và kinh doanh theo đuổi mục tiêu lợi nhuận nên nguy cơ mất an toàn, không đảm bảo chất lượng của nguồn lương thực cung ứng là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Vì vậy, để đảm bảo an ninh lương thực cả về số lượng và chất lượng, sự can thiệp của nhà nước đóng vai trò hết sức cần thiết.

Trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập, để đảm bảo nguồn lương thực sẵn có và ổn định, nhà nước phải có quy hoạch sản xuất lương thực, dự trữ và xuất nhập khẩu lương thực một cách khoa học. Cơ chế thị trường đòi hỏi các hoạt động này đều phải dựa trên nguyên tắc hiệu quả. Người sản xuất và kinh doanh lương thực sẽ từ bỏ lĩnh vực này nếu hoạt động của họ không hiệu quả, không có thu nhập tương xứng. Do đó, sự hỗ trợ của nhà nước nhằm đảm bảo hiệu quả cho những người sản xuất và kinh doanh lương thực là yêu cầu tất yếu.

Thứ ba, chính sách trợ cấp nông nghiệp, bảo trợ sản xuất lương thực bằng các rào cản kỹ thuật của các nước phát triển cũng như chính sách tự túc lương thực của nhiều quốc gia đang phát triển làm cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu lương thực gặp nhiều khó khăn, không đạt hiệu quả. Vì thế, các nước xuất khẩu lương thực chủ yếu trên thế giới đã thu hẹp quy mô sản xuất và xuất khẩu lương thực.

Thứ tư, kinh tế thị trường và hội nhập đòi hỏi đảm bảo an ninh lương thực mang tính toàn cầu. Những vấn đề mang tính toàn cầu như biến đổi khí hậu, biến động của thị trường thế giới, an ninh năng lượng... đều tác động đến an ninh lương thực của mọi quốc gia. Hiện nay, các quốc gia đang phải gánh chịu những ảnh hưởng nghiêm trọng của hiện tượng biến đổi khí hậu, gây hậu quả to lớn, cản trở sự phát triển kinh tế, tạo ra nguy cơ mất an ninh lương thực ngay ở những quốc gia vốn có thể mạnh về sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, những chính sách năng lượng toàn cầu ngày càng gia tăng sử dụng cây lương thực như ngô, lúa mì, ngũ cốc làm nhiên liệu sạch (ethanol và diesel

sinh học), thay thế cho nhiên liệu hóa thạch đã gây nhiều xáo trộn về nhu cầu và hoạt động xuất nhập khẩu lương thực, đe dọa an ninh lương thực, đặc biệt trong bối cảnh dân số thế giới tiếp tục gia tăng (từ 7,3 tỷ người hiện nay tăng lên khoảng 9,5 tỷ đến 13,3 tỷ người vào cuối thế kỷ XXI [4]).

Những lý do trên cho thấy: An ninh lương thực đang và sẽ vẫn là vấn đề cấp thiết, mang tính toàn cầu, tuy nhiên các quốc gia không cần phải giải quyết bằng mọi giá, mà cần được giải quyết một cách hiệu quả và bền vững.

2. Những thành tựu đảm bảo an ninh lương thực ở Việt Nam

Thứ nhất, sự sẵn có và ổn định lương thực. Đó là sự đảm bảo khối lượng lương thực, thỏa mãn nhu cầu hàng ngày của dân cư, cùng với chất lượng lương thực phù hợp được cung cấp từ các nguồn sản xuất hoặc nhập khẩu.

Việt Nam là nước nông nghiệp nên việc đảm bảo nhu cầu lương thực bằng cách đẩy mạnh sản xuất lương thực trong nước là hoàn toàn đúng đắn. Việc chuyển đổi từ hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ sang “khoán hộ” là tiền đề quan trọng cho sự hình thành thị trường lương thực quốc gia và đảm bảo an ninh lương thực. Nhờ “khoán hộ”, người nông dân trở thành chủ thể cung ứng lương thực trên thị trường. Khi lợi ích được đảm bảo, họ tập trung huy động các nguồn lực đáp ứng nhu cầu lương thực của người dân. Nhà nước còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu lương thực, góp phần đảm bảo lợi ích của những người sản xuất và kinh doanh lương thực. Nhờ đó, diện tích và sản lượng lương thực của Việt Nam trong những năm gần đây không ngừng tăng lên. Việt Nam không chỉ tự đảm bảo được an ninh lương thực, mà còn góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho nhiều quốc gia khác (Bảng 1).

Để đảm bảo sự sẵn có về lương thực, Nhà nước đã quy hoạch đất trồng lương thực, chủ yếu là lúa, nhằm đảm bảo khả năng tự cung lương thực. Mục tiêu mà các chính sách đặt ra là giữ 3,8 triệu ha đất trồng lúa để đảm bảo sản lượng 32-41 triệu tấn lúa/năm, đủ đáp ứng yêu

cầu trong nước và xuất khẩu khoảng 4 triệu tấn gạo/năm. Ngoài ra, Nhà nước khuyến khích mở rộng diện tích và sản lượng các loại cây lương thực khác và rau màu. Nhà nước đã quan tâm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho sản xuất

nông nghiệp, bao gồm các hệ thống thủy lợi, hệ thống đường bộ, đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong nông nghiệp nói chung và cây lương thực nói riêng...

Bảng 1. Diện tích, sản lượng lương thực có hạt

	Diện tích			Sản lượng		
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
		Lúa	Ngô		Lúa	Ngô
		Nghìn ha		Nghìn tấn		
2005	8.383,4	7.329,2	1.052,6	39.621,6	35.832,9	3.787,1
2006	8.359,7	7.324,8	1.033,1	39.706,2	35.849,5	3.854,6
2007	8.304,7	7.207,4	1.096,1	40.247,4	35.942,7	4.303,2
2008	8.542,2	7.400,2	1.140,2	43.305,4	38.729,8	4.573,1
2009	8.527,4	7.437,2	1.089,2	43.323,4	38.950,2	4.371,7
2010	8.615,9	7.489,4	1.125,7	44.632,2	40.005,6	4.625,7
2011	8.777,6	7.655,4	1.121,3	47.235,5	42.398,5	4.835,6
2012	8.918,9	7.761,2	1.156,6	48.712,6	43.737,8	4.973,6
2013	9.074,0	7.902,5	1.170,4	49.231,6	44.039,1	5.191,2
2014	8.996,2	7.816,2	1.179,0	50.178,5	44.974,6	5.202,3
2015	8.996,3	7.830,6	1.164,8	50.394,3	45.105,5	5.287,2
Sơ bộ 2016	8.947,9	7.790,4	1.152,4	48.838,9	43.609,5	5.225,6

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2017 [3].

Các vùng sản xuất lương thực hàng hóa lớn tập trung ở đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long cung cấp lúa gạo hàng hóa cho cả nước và xuất khẩu. Đó là dấu hiệu cho thấy nền nông nghiệp hàng hóa lớn đã và đang hình thành. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất lương thực hàng hóa gắn với xuất khẩu được áp dụng rộng rãi. Công nghệ sinh học phát triển, đặc biệt là nhiều giống lúa lai, ngô lai đã đưa vào sản xuất; công nghệ tưới tiêu, làm đất, phân bón, bảo quản, sau thu hoạch... ngày càng tiến bộ, góp phần tích cực vào thâm canh tăng năng suất cây lương thực theo yêu cầu thị trường.

Với sự hỗ trợ của Nhà nước, các lớp đào tạo ngắn hạn nhằm tập huấn kỹ năng cho người nông dân được tổ chức thường xuyên và định kỳ theo kế hoạch của các địa phương. Các tài liệu, thông tin về sản xuất nông nghiệp được cung cấp về các xã, phường, được phổ biến cho người nông dân thông qua hội nông dân và các hợp tác xã.

Nhằm ổn định nguồn cung, Nhà nước chủ trương xây dựng hệ thống kho lưu trữ lương

thực. Các kho dự trữ này chịu trách nhiệm trong việc thu mua lương thực của nông dân trong trường hợp sản lượng lúa gạo tăng làm giảm giá bán. Khi Nhà nước thu mua dự trữ lương thực, cầu lương thực trên thị trường tăng và đẩy giá lương thực tăng lên giúp đảm bảo lợi nhuận cho người nông dân. Bên cạnh đó, khi tình trạng mất mùa xảy ra, lượng cung lương thực trên thị trường giảm xuống dẫn đến giá lương thực tăng cao, khả năng tiếp cận lương thực của những hộ gia đình thu nhập thấp bị đe dọa, các kho dự trữ này có nhiệm vụ xả kho giúp ổn định nguồn cung trên thị trường, ổn định giá cả.

Hiện nay, mỗi năm Việt Nam xuất khẩu khoảng 4-5 triệu tấn gạo, góp phần quan trọng đảm bảo lợi ích cho người nông dân trồng lúa, từ đó góp phần duy trì diện tích trồng lúa theo quy hoạch của Nhà nước.

Thứ hai, tiếp cận lương thực. Đây là nội hàm quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực, là khả năng của các cá nhân tiếp cận được nguồn lương thực phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của họ. Trong những năm vừa

qua, Nhà nước đã dành nhiều sự quan tâm nhằm nâng cao khả năng tiếp cận nguồn lương thực cho người dân.

Kênh tiếp cận nguồn lương thực quan trọng nhất là thị trường lương thực. Trong hơn 30 năm đổi mới, thị trường lương thực Việt Nam không ngừng phát triển. Với sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước, kết cấu hạ tầng của nền kinh tế nói chung và thị trường lương thực nói riêng như hệ thống đường sá, sân bay, bến cảng được mở rộng và hiện đại hóa; hệ thống thông tin liên lạc ngày càng phát triển; hệ thống kho tàng, bến bãi, các cửa hàng kinh doanh lương thực, chợ, siêu thị... được xây dựng rộng khắp cả nước. Nhờ đó, kênh phân phối lương thực không ngừng được mở rộng và hoàn thiện. Kể từ cải cách thương mại định hướng thị trường được bắt đầu năm 1986, đến nay người dân và doanh nghiệp đã được tự do buôn bán, kinh doanh lương thực.

Khả năng tiếp cận nguồn lương thực phụ thuộc chặt chẽ vào mức thu nhập của người dân. Trong những năm qua, thu nhập bình quân trên đầu người của Việt Nam liên tục tăng đã giúp cải thiện khả năng tiếp cận lương thực. Thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng của Việt Nam tăng từ 356.100 đồng năm 2002 lên 2.637.300 đồng năm 2014, tăng 7,4 lần (Bảng 2).

Bảng 2. Thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng chia theo thành thị - nông thôn

	Đơn vị tính: Nghìn đồng				
	2008	2010	2012	2014	Sơ bộ 2016
Cả nước	995	1.387	2.000	2.637	3.049
Phân theo thành thị, nông thôn					
Thành thị	1.605	2.130	2.989	3.964	4.368
Nông thôn	762	1.070	1.579	2.038	2.437

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2017 [3].

Nhìn chung, mức thu nhập của đa số người dân tăng tương đối nhanh. Những người có hoàn cảnh khó khăn, những người có công với nhân dân, với đất nước,... đều được Nhà nước

trợ cấp thu nhập. Đồng thời, Nhà nước còn có chính sách hỗ trợ, trợ cấp lương thực cho hộ nghèo, hộ cận nghèo ở các khu vực bị thiên tai, các khu vực miền núi có giao thông đi lại khó khăn,... Nhờ đó, đa số người dân có cơ hội tiếp cận nguồn lương thực và tỷ lệ đói nghèo, suy dinh dưỡng của Việt Nam nhờ đó giảm nhanh. Theo Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Việt Nam đã hoàn thành Mục tiêu Thiên niên kỷ về xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói vào năm 2002, sớm hơn 13 năm so với mục tiêu đề ra.

Nhìn chung, Việt Nam đã đảm bảo được an ninh lương thực cho tuyệt đại đa số người dân; nạn thiếu lương thực được giải quyết cơ bản (Bảng 3).

3. Những vấn đề đặt ra

Để đảm bảo an ninh lương thực, Việt Nam đã phải trả giá nhất định và gặp không ít vấn đề cấp thiết cần sớm được giải quyết.

Thứ nhất, sự an toàn, chất lượng của nguồn lương thực cung ứng. Đối với mặt hàng lương thực như gạo, ngô, khoai, sắn, nguy cơ mất an toàn vệ sinh thực phẩm chủ yếu do tồn dư thuốc bảo vệ thực phẩm trong sản phẩm.

Bảng 3. Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2010-2016
Đơn vị tính: %

	Theo chuẩn nghèo của Chính phủ				Sơ bộ 2016	Sơ bộ theo chuẩn nghèo đa chiều
	2010	2013	2014	2015		
Cả nước	14,2	9,8	8,4	7,0	5,8	9,2
Phân theo thành thị, nông thôn						
Thành thị	6,9	3,7	3,0	2,5	2,0	3,5
Nông thôn	17,4	12,7	10,8	9,2	7,5	11,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2017 [3].

Trong suốt thời kỳ dài, do chú trọng gia tăng sản lượng lương thực, nông dân đã gia tăng vụ mùa, độc canh 2-3 vụ lúa/ năm. Đây là

nguyên nhân dẫn đến hậu quả cạn kiệt chất dinh dưỡng trong đất đai, con người phải can thiệp vào quá trình sinh trưởng của cây trồng nhiều hơn, trong đó có việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, từ đó làm cho chất lượng lúa gạo càng khó kiểm soát, không an toàn [6]. Thực tế cho thấy, nhiều lô hàng gạo xuất khẩu đã bị trả lại do tồn dư các hoạt chất vượt mức cho phép¹.

Thứ hai, diện tích và sản lượng lương thực có hạt của Việt Nam không ngừng gia tăng, từ 39,62 triệu tấn năm 2005 lên 48,84 triệu tấn năm 2016 (Bảng 1). Trong khoảng thời gian này, sản lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam giao động từ 4,5-7,7 triệu tấn. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu gạo năm cao nhất đạt 3,52 tỷ USD, năm thấp nhất (2006) chỉ đạt 1,195 USD. Ngay năm 2016, Việt Nam xuất khẩu 4,8 triệu tấn gạo nhưng cũng chỉ thu được 2,16 tỷ USD (Bảng 4). Nhìn chung, thu nhập từ xuất khẩu lương thực rất thấp.

Tính hiệu quả thấp trong sản xuất lương thực có nguyên nhân sâu xa: Lương thực là hàng hóa thiết yếu, tuy nhiên đây là sản phẩm thô nên giá trị gia tăng thấp. Nguyên nhân trực tiếp là do bên cạnh những nước xuất khẩu gạo truyền thống, thị trường xuất hiện thêm nhiều nước tham gia xuất khẩu gạo như Ấn Độ, Pakistan, Myanma, Campuchia... Hơn nữa, gạo Việt Nam chưa có thương hiệu, chất lượng gạo rất thấp so với các nước xuất khẩu gạo (Bảng 4).

Thứ ba, để đảm bảo an ninh lương thực, trên diện tích đất được quy hoạch trồng lương thực, nông dân không được trồng các loại cây khác.

¹ Trong 4 tháng đầu năm 2016 đã có 95 container (tương đương hơn 1.700 tấn) gạo xuất khẩu sang Hoa Kỳ bị trả về, chủ yếu là gạo thơm jasmine, gạo tám jasmine, gạo lứt và gạo trắng chất lượng cao. Tính từ năm 2012 đến tháng 8/2016, có tới 412 container với gần 10.000 tấn gạo của 16 doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam sang thị trường này bị trả về. Lý do các lô gạo xuất khẩu này bị trả về là do tồn dư của 8 hoạt chất vượt mức cho phép (các hoạt chất này có mặt trong thuốc bảo vệ thực vật chống các bệnh rầy nâu, đạo ôn, sâu đục thân...). Trước đó, các lô gạo xuất sang thị trường Nhật Bản cũng nhiều lần bị trả về, tuy nhiên số liệu cụ thể không được công bố (<http://vneconomy.vn/thi-truong/bao-dong-gao-viet-sang-my-bi-tra-ve-2016100210284730.htm>).

Bảng 4. Sản lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam

Năm	Số lượng (Triệu tấn)	Trị giá FOB (Triệu USD)
2005	5,21	1.279,27
2006	4,69	1.194,63
2007	4,53	1.338,13
2008	4,68	2.663,44
2009	6,05	2.464,30
2010	6,75	2.911,64
2011	7,13	3.519,29
2012	7,72	3.449,56
2013	6,68	2.893,49
2014	6,5	2.935,20
2015	6,6	2.796,30
2016	4,8	2.159,00

Nguồn: <http://vietfood.org.vn/thi-truong/thong-ke/80-xuat-khau-viet-nam.html>

Do hiệu quả trồng lương thực thấp nên dẫn đến tình trạng nông dân bỏ hoang ruộng đất ở nhiều nơi. Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, năm 2012 trở về trước, việc bỏ hoang ruộng đất mới xảy ra ở các tỉnh miền Bắc, đến nay đang xuất hiện ở 25 tỉnh thành. Ước tính từ năm 2010 đến nay, khoảng 500.000 ha đất trồng lúa 2 vụ và độ phì nhiêu cao, để đi lại và gần những nơi tập trung đông dân cư đã bị giảm. Theo nhận định của nhiều địa phương, trong thời gian tới, tình trạng nông dân bỏ ruộng sẽ vẫn tiếp tục xảy ra [5].

Thứ tư, công nghiệp bảo quản và chế biến lương thực chưa được chú ý đúng mức, đầu tư cho công nghệ thu hoạch, bảo quản còn thấp. Do đó, tổn thất sau thu hoạch vẫn còn cao; sản phẩm không đồng đều cả về hình thức lẫn chất lượng, dẫn đến giá thành sản phẩm thấp.

4. Một số khuyến nghị

Thứ nhất, Việt Nam cần quy hoạch hợp lý đất nông nghiệp, đặc biệt là quỹ đất dành cho sản xuất lương thực. Diện tích trồng lương thực rất lớn trong khi xuất khẩu gạo không hiệu quả. Do đó, Việt Nam cần mạnh dạn chuyển đổi những diện tích trồng lương thực năng suất thấp do nhiễm mặn, hạn hán, lũ lụt,... sang trồng các loại cây phi lương thực hoặc nuôi thủy sản. Để đảm bảo an ninh lương thực, Việt Nam chỉ nên xuất khẩu từ 2-2,5 triệu tấn gạo/năm. Gạo xuất khẩu phải có thương hiệu, đem lại giá trị gia tăng cao.

Thứ hai, cần sớm hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ nông dân sản xuất lương thực. Nếu người nông dân trồng cây lương thực theo quy hoạch, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ về giống, phân bón, thủy lợi, bảo vệ thực vật, công nghệ canh tác,... và bao tiêu sản phẩm; đảm bảo cho người dân và doanh nghiệp trồng lương thực thu được lợi nhuận như trồng các loại cây khác. Khi sản phẩm lương thực có thương hiệu, chiếm lĩnh được các thị trường cao cấp, người dân và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh lương thực sẽ vừa thích ứng được với thị trường, vừa tham gia tích cực đảm bảo an ninh lương thực.

Do nguồn cung về lương thực không ổn định, Nhà nước cần điều hành chuyển đổi linh hoạt giữa trồng cây lương thực và trồng cây thực phẩm. Việc chuyển đổi không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lương thực, mà còn góp phần đảm bảo an ninh lương thực trong dài hạn.

Thứ ba, ứng phó linh hoạt với cung - cầu lương thực trên thị trường thế giới. Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia luôn phải đặt trong quan hệ với thị trường lương thực thế giới. Trong dài hạn, nhu cầu về lương thực sẽ tăng nhưng tăng chậm dần. Nguồn cung lương thực trên thị trường thế giới sẽ chịu sự tác động của nhiều nhân tố nên có nhiều biến động, ảnh hưởng tới

giá cả lương thực. Việt Nam cần chuẩn bị kỹ lưỡng để ứng phó khi thị trường lương thực thế giới biến động. Sự ứng phó chính xác trước những biến động của thị trường lương thực thế giới vừa đảm bảo được an ninh lương thực cho đất nước, vừa đảm bảo hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh lương thực.

Thứ tư, nâng cao chất lượng dự báo thời tiết trung và dài hạn. Năng suất, sản lượng lương thực phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên và thời tiết. Dự báo thời tiết trung và dài hạn chính xác sẽ cho phép né tránh những thời điểm, mùa vụ không thuận lợi, nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất lương thực và đảm bảo an ninh lương thực. Để làm được điều đó, Nhà nước cần đầu tư đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực này và mua sắm trang thiết bị hiện đại nhất, coi đầu tư cho dự báo thời tiết trung và dài hạn là đầu tư để đảm bảo an ninh lương thực.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ, Nghị quyết về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, Hà Nội, ngày 23/12/2009.
- [2] Tạ Ngọc Tấn, An ninh quốc gia - Những vấn đề an ninh phi truyền thống, NXB. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2013.
- [3] Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê năm 2016, NXB. Thống kê, Hà Nội, 2017.
- [4] Lê Hùng, “Dân số thế giới sẽ đạt hơn 11 tỷ người vào cuối thế kỷ”, đăng tải ngày 13/8/2015, Vnexpress, <http://vnexpress.net/tin-tuc/khoa-hoc/dan-so-the-gioi-se-dat-hon-11-ty-nguoi-vaocuoitheky-3263225.html>
- [5] Nguyễn Hoàng, “Tình trạng nông dân bỏ ruộng ngày càng tăng”, đăng tải ngày 20/7/2016, Hội Nông dân Việt Nam, <http://tnnn.hoinongdan.org.vn/sitepages/news/1093/45366/tinh-trang-nong-dan-bo-ruong-ngay-cang-tang>
- [6] Bạch Dương, “Báo động gạo Việt sang Mỹ bị trả về”, đăng tải ngày 3/10/2016, VnEconomy, <http://vneconomy.vn/thi-truong/bao-dong-gao-viet-sang-my-bi-tra-ve-2016100210284730.htm>

Food Security Ensurance in Vietnam Today

Pham Van Dung

*VNU University of Economics and Business,
144 Xuan Thuy Street, Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam*

Abstract: Today, food security and national food security ensurance should be viewed from the perspective of the market economy and the international integration because these constantly changing contexts have significant impacts on those issues. After over 30 years of innovation, though the State has addressed the food security related issues effectively, Vietnam is still facing with enormous challenges and instabilities. Therefore, Vietnam should consider and amend food production and export activities in size and quality; build mechanism, policy to facilitate paddy farmers,... The State has to ensure food security while it should satisfy the market's requirements, ensure income of paddy farmers, and needs of food enterprises.

Keywords: Food security, market economy, integration, Vietnam.